

Số: ~~1345~~ /2015/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~15~~ tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hoá.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập”;

Căn cứ Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa”;

Xét đề nghị của liên ngành Sở Tài chính – Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 1028/TTr-LN: STC - VPĐDBQH - HĐND ngày 06/4/2015 về việc: “Đề nghị ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 2. Quy định tại Quyết định này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 3758/2008/QĐ-UBND ngày 25/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành quy định về một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

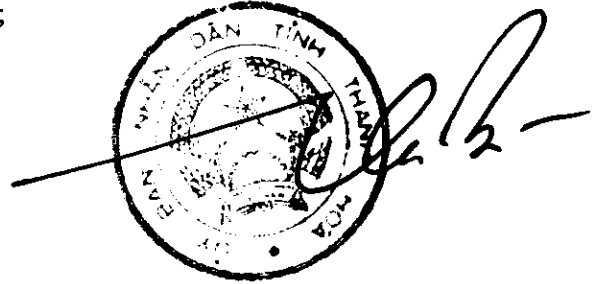
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.



Nơi nhận.

- Như Điều 3QĐ (để thực hiện);
- UBND Quốc hội, Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC Thn201557 (100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

QUY ĐỊNH

Về một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

(Ban hành kèm theo Quyết định số : **1345** /2015/QĐ-UBND
ngày **15/4/2015** của UBND tỉnh Thanh Hóa).

Điều 1. Những quy định chung

1. Dự toán chi được xây dựng trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm của các cấp ngân sách được Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp phê chuẩn và được giao dự toán đầu năm cho cơ quan HĐND hoặc Văn phòng HĐND-UBND.

2. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp phải có trong dự toán giao, đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng được quy định theo Quyết định này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Kinh phí hoạt động hàng năm của HĐND cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

3. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND các cấp, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ chi và thanh quyết toán theo quy định của pháp luật.

4. Mức chi quy định tại Quyết định này là mức chi tối đa, tùy vào khả năng ngân sách của từng cấp, của từng đơn vị mà Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ chi tiêu được áp dụng cho các đối tượng: Thường trực HĐND, các ban HĐND, đại biểu HĐND các cấp, các tổ chức, cá nhân liên quan và các đối tượng khác được yêu cầu tham gia, phục vụ các hoạt động của HĐND.

Điều 3. Quy định mức chi đối với HĐND cấp tỉnh

1. Chế độ chi tiêu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh:

a) Tiền ăn cho đại biểu HĐND tỉnh dự họp (nếu đại biểu không ăn thì được thanh toán bằng tiền): 150.000,0 đồng/người/ngày (Một trăm năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một ngày).

b) Chế độ phòng ở cho đại biểu HĐND tỉnh: 01-02 người/phòng; tiền phòng theo Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức

các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa”.

c) Chế độ bồi dưỡng đại biểu HĐND tỉnh (đọc tài liệu): 100.000,0 đồng/người/buổi (Một trăm nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

d) Chế độ bồi dưỡng cho chủ tọa và thư ký kỳ họp:

- Chủ tọa: 150.000,0 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

- Thư ký: 125.000,0 đồng/người/buổi (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

* Trường hợp họp vào thứ 7, chủ nhật thì chủ tọa, thư ký và đại biểu được bồi dưỡng gấp đôi mức quy định trên.

đ) Chế độ đối với khách khách mời:

- Khách mời Trung ương: Áp dụng như đại biểu HĐND tỉnh.

- Khách mời là Sở, ban, ngành cấp tỉnh, phóng viên; cấp huyện (Thường trực HĐND, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố - gọi chung là cấp huyện).

+ Bồi dưỡng các ngày tham gia họp: 75.000,0 đồng/người/buổi (Bảy mươi lăm nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

+ Tiền ăn: Chỉ áp dụng đối với khách mời cấp huyện (Các ngày họp và một số huyện miền núi xuống họp trước, Thường trực mời cơm, không phát tiền): Chế độ như đại biểu HĐND tỉnh.

+ Chế độ phòng ở: Áp dụng đối với khách mời cấp huyện 02 người/phòng; tiền phòng theo quy định tại Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa”.

e) Chi cho họp báo :

- Người chủ trì: 150.000,0 đồng/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng cho một buổi).

- Đại biểu, phóng viên: 75.000,0 đồng/buổi (Bảy mươi lăm nghìn đồng cho một buổi).

- Phục vụ: 50.000,0 đồng/buổi (Năm mươi nghìn đồng cho một buổi).

g) Chế độ đối với nhân viên phục vụ:

- Nhân viên phục vụ trực tiếp:

+ Bồi dưỡng cho các ngày diễn ra kỳ họp: 50.000,0 đồng/người/buổi (Năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

+ Tiền ăn: Như khách mời cấp huyện.

- Bồi dưỡng nhân viên phục vụ gián tiếp: 40.000,0 đồng/người/buổi (Bốn mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

2. Chế độ chi tiêu hội nghị giao ban giữa Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh với Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện.

a) Tiền ăn cho đại biểu: Thực hiện như khách mời cấp huyện tham dự HĐND tỉnh.

b) Chế độ phòng ở cho đại biểu: Thực hiện như khách mời cấp huyện tham dự HĐND tỉnh.

c) Chi cho giảng viên, báo cáo viên (nếu có):

- Chế độ ăn, nghỉ như đại biểu.

- Thù lao giảng bài: Theo quy định của nhà nước

d) Chế độ đối với nhân viên phục vụ: Thực hiện như phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Chế độ chi công tác khảo sát, giám sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh.

a) Chế độ công tác phí: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1060/2011/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tại Thanh Hóa”.

b) Chi bồi dưỡng các đoàn khảo sát, giám sát (Ngoài chế độ công tác phí):

- Chi bồi dưỡng trưởng đoàn: 150.000,0 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

- Chi bồi dưỡng thành viên đoàn giám sát, thành phần mời tham gia đoàn giám sát, chuyên viên giúp việc Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh: 75.000,0 đồng/người/buổi (Bảy mươi lăm nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

- Chi cho phóng viên, lái xe, phục vụ: 50.000,0 đồng/người/buổi (Năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

c) Chi xây dựng kế hoạch khảo sát, giám sát: 1.000.000,0 đồng/cuộc (Một triệu đồng cho một cuộc).

d) Chi xây dựng đề cương báo cáo gửi các đơn vị khảo sát, giám sát: 500.000,0 đồng/cuộc (Năm trăm nghìn đồng cho một cuộc).

đ) Chi xây dựng báo cáo kết quả khảo sát, giám sát: 1.000.000,0 đồng/cuộc giám sát (Một triệu đồng cho một cuộc).

e) Chi họp thông qua kết quả giám sát khảo sát: Chi như đi giám sát.

4. Mức chi công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết kỳ họp HĐND, thẩm tra các tờ trình giữa hai kỳ họp HĐND.

a) Chi cho cuộc họp thẩm tra:

- Người chủ trì: 150.000,0 đồng/người/buổi (Một trăm năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

- Thành viên ban HĐND tỉnh, chuyên viên giúp việc Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các thành phần mời tham gia: 75.000,0 đồng/người/buổi (Bảy mươi lăm nghìn đồng cho một người, cho một buổi).

- Phóng viên, lái xe, phục vụ: 50.000,0 đồng/người/buổi (Năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).
 - b) Chi xây dựng báo cáo thẩm tra: 1.000.000,0 đồng/báo cáo (Một triệu đồng cho một báo cáo).
 - c) Chi hoàn thiện nghị quyết: 1.000.000,0 đồng/Nghị quyết (Một triệu đồng cho một Nghị quyết).
5. Chi tiếp xúc cử tri.
- a) Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri: 3.000.000,0 đồng/điểm tiếp xúc (Ba triệu đồng cho một điểm tiếp xúc).
 - b) Chi bồi dưỡng tham gia tiếp xúc cử tri:
 - Đại biểu HĐND tỉnh:
 - + Đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại các huyện miền núi: 3.000.000,0 đồng/đại biểu/năm (Ba triệu đồng cho một đại biểu, cho một năm).
 - + Đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại các huyện còn lại: 2.000.000,0 đồng/đại biểu/năm (Hai triệu đồng cho một đại biểu, cho một năm).
 - Cán bộ công chức phục vụ trực tiếp: 75.000,0 đồng/người/buổi (Bảy mươi lăm nghìn đồng cho một người, cho một buổi).
 - Phục vụ gián tiếp: 50.000,0 đồng/người/buổi (Năm mươi nghìn đồng cho một người, cho một buổi).
 - Chi công tác tổng hợp báo cáo tiếp xúc cử tri để gửi các cơ quan có thẩm quyền: 500.000,0 đồng/báo cáo (Năm trăm nghìn đồng cho một báo cáo).
6. Chi thăm hỏi ốm đau đối với đại biểu HĐND tỉnh, nguyên đại biểu HĐND tỉnh; chi trợ cấp cho nguyên đại biểu HĐND tỉnh từ trần và đại biểu HĐND tỉnh có cha mẹ đẻ (Cha mẹ vợ, chồng), chồng (Vợ), con từ trần.
- a) Ốm đau: 1.000.000,0 đồng/người (Một triệu đồng cho một người); một năm không quá 02 lần.
 - b) Bị bệnh hiểm nghèo: 3.000.000,0 đồng/người (Ba triệu đồng cho một người); một năm không quá 02 lần.
 - c) Nguyên đại biểu HĐND tỉnh, cha mẹ đẻ (Cha mẹ vợ, chồng), chồng (Vợ), con đại biểu HĐND tỉnh từ trần: 1.000.000,0 đồng/người (Một triệu đồng cho một người).
7. Hỗ trợ văn phòng phẩm cho Tổ đại biểu HĐND tỉnh: 2.000.000,0 đồng/tổ/năm (Hai triệu đồng cho một tổ, cho một năm).
8. Khoản chi cước phí điện thoại cho Phó Trưởng ban HĐND tỉnh chuyên trách: 350.000,0 đồng/tháng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng cho một tháng).
9. Hỗ trợ trang phục:
- Đại biểu HĐND tỉnh 5.000.000,0 đồng/đại biểu/nhiệm kỳ (Năm triệu đồng cho một người, cho một nhiệm kỳ).

- Công chức nhân viên phục vụ: 2.500.000,0 đồng/người/nhiệm kỳ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng cho một người, cho một nhiệm kỳ).

Điều 4. Quy định mức chi đối với HĐND cấp huyện, xã

1. Quy định các mức chi đối với HĐND cấp huyện: Các nội dung chi, mức chi bằng 70,0% mức chi nội dung tương ứng của HĐND tỉnh.

2. Quy định các mức chi đối với HĐND xã, phường, thị trấn: Các nội dung chi, mức chi bằng 50,0% mức chi nội dung tương ứng của HĐND tỉnh.

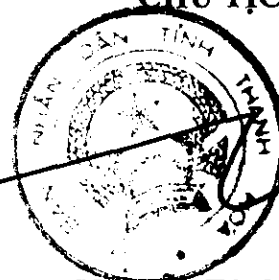
* Mức chi đối với cấp huyện, cấp xã, phường, thị trấn (Sau khi nhân với các tỷ lệ mức chi tương ứng của HĐND cấp tỉnh) được làm tròn lên hàng chục nghìn đồng tiền Việt Nam.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Thanh Hoá hướng dẫn Văn phòng HĐND và UBND các cấp tổ chức thực hiện; giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh kiểm tra, kiểm soát chi tiêu tài chính của các cơ quan, đơn vị.

2. Văn phòng HĐND các cấp căn cứ quy định tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định, đảm bảo chặt chẽ về thủ tục thanh toán và chủ động trong sử dụng kinh phí của cơ quan đơn vị mình./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng